

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2025/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2025
V/v tranh chấp xin ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU - TỈNH CÀ MAU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Yến Nhi

Các hội thẩm nhân dân: Bà Khưu Liên Dung

Bà Dư Thị Út

Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2025/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2025 về tranh chấp “Xin ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/QĐXX-ST ngày 30 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1982 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm N, Phường M, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ hiện nay: Khóm N, phường V, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Châu Văn K, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Khóm C, Phường D, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu.

Địa chỉ hiện nay: Khóm N, phường B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 17/4/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ kiện bà Nguyễn Thị T là nguyên đơn trong vụ án trình bày:*

- Về hôn nhân: Bà và ông K tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Thịnh, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 09/7/2008, quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, mâu thuẫn hiện nay đã trầm trọng nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt

được. Ngoài ra, vợ chồng bà đã sống ly thân từ đầu năm 2021 đến nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà xin ly hôn với ông K.

- Về con chung: Quá trình sống chung bà và ông K có 02 người con chung tên Châu Thanh T, sinh ngày 25/01/2008 và cháu Châu Thanh T, sinh ngày 14/11/2013 (hiện 02 con chung đang sống cùng ông K). Nay ly hôn bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

** Bị đơn ông Châu Văn K vắng mặt nên không có lời trình bày:*

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau biểu quan điểm:*

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm hôm nay, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng đúng quy định. Việc chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đầy đủ. Vì vậy, về mặt tố tụng Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị gì.

- Về nội dung vụ án: Về hôn nhân, bà T và ông K chung sống có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Vợ chồng bà T và ông K đã mâu thuẫn không thể hàn gắn được và vợ chồng ông bà đã ly thân từ đầu năm 2021 đến nay nên việc bà T yêu cầu ly hôn là có căn cứ chấp nhận. Về con chung: Giao 02 cháu Châu Thanh T, sinh ngày 25/01/2008 và cháu Châu Thanh T, sinh ngày 14/11/2013 ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (Hiện nay 02 con chung đang sống cùng ông K). Về cấp dưỡng: Do ông K không yêu cầu nên không đặt xem xét giải quyết tại phiên tòa hôm nay. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; sau khi nghe ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn Nguyễn Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là ông Châu Văn K nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông K hiện đang cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 – Cà Mau theo quy định tại khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

[2] Xét quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn K tự nguyện chung sống vợ chồng từ năm 2007, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên quan hệ hôn nhân của bà T và ông K là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Bà T và ông K xác định giữa hai vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn từ đầu năm 2021 đến nay. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống và thường xuyên xảy ra cãi

vã. Hơn nữa vợ chồng bà T và ông K đã sống ly thân từ năm 2021. Hội đồng xét xử xét thấy, vợ chồng thì phải có nghĩa vụ chăm sóc, yêu thương, giúp đỡ nhau nhưng bà T và ông K không có sự chăm sóc, thương yêu nhau mà bỏ mặc nhau từ năm 2021 đến nay. Do đó, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, nếu có duy trì thì mục đích hôn nhân cũng không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị T và ông Châu Văn K có 02 con chung tên Châu Thanh T, sinh ngày 25/01/2008 và cháu Châu Thanh T, sinh ngày 14/11/2013 (Hiện nay 02 con chung đang sống chung cùng ông K). Khi ly hôn bà T đồng ý giao 02 con chung cho ông K chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và cháu T và cháu T có nguyện vọng sống cùng cha nên có cơ sở giao 02 con chung cho ông K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Bà T có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được quyền ngăn cản.

[4] Về cấp dưỡng: Do ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về nợ chung: Không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: Bà T yêu cầu ly hôn với ông K nên bà T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng.

[8] Như đã phân tích ở trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

- Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, khoản 1 Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1/. Về hôn nhân: Xử cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn với ông Châu Văn K.

2/. Về con chung: Giao 02 cháu Châu Thanh T, sinh ngày 25/01/2008 và cháu Châu Thanh T, sinh ngày 14/11/2013 cho ông K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục (Hiện nay 02 con chung đang sống chung cùng ông K). Bà T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3/. Về cấp dưỡng: Ông K không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/. Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

5/. Về nợ chung: Không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

6/. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng. Bà T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0000393 ngày 29 tháng 4 năm 2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu (nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 6 – Cà Mau) được chuyển thu án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND Khu vực 6 – Cà Mau;
- Phòng THADS Khu vực 6 – Cà Mau;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu.

Lê Yến Nhi